

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & KINH DOANH VẬT TƯ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2010



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010*

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1 112 099 661 431	962 976 711 833
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110		79 741 285 813	66 744 112 698
1. Tiền	111	V.01	74 741 285 813	63 244 112 698
2. Các khoản tương đương tiền	112		5 000 000 000	3 500 000 000
II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		73 638 198 200	50 285 080 200
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	77 112 638 392	53 625 564 352
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.03	(3 474 440 192)	(3 340 484 152)
III - Các khoản phải thu	130		785 317 064 795	678 850 883 475
1. Phải thu khách hàng	131	V.04	661 730 684 084	550 186 439 859
2. Trả trước cho người bán	132	V.05	40 782 670 917	27 080 299 590
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.06	89 187 520 450	107 262 741 115
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.07	(6 383 810 656)	(5 678 597 089)
IV - Hàng tồn kho	140		133 158 867 009	144 960 647 387
1. Hàng tồn kho	141	V.08	135 078 942 316	148 168 541 802
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.09	(1 920 075 307)	(3 207 894 415)
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		40 244 245 614	22 135 988 073
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	6 243 073 795	3 992 033 256
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1 865 982 430	4 891 902 187
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.11	3 505 143 026	4 742 245 866
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	28 630 046 363	8 509 806 764
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		509 490 820 535	506 220 632 959
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		3 740 812 519	3 279 402 191
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		3 740 812 519	3 279 402 191
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II - Tài sản cố định	220		418 115 538 925	386 354 668 201
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	23 205 599 044	25 952 005 280
- Nguyên giá	222		53 576 690 063	52 002 430 732
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30 371 091 019)	(26 050 425 452)

A	B	C	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.32	1 674 700 750	591 374 350
7. Doanh thu chưa thực hiện	338			
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233 281 332 458	179 726 912 937
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.34	233 281 332 458	179 726 912 937
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	411		100 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81 374 710 500	61 375 354 000
3. Vốn khác của Chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(46 039 928)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11 035 448 206	9 906 286 807
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8 849 198 404	6 590 875 607
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		32 021 975 348	21 900 436 451
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			1 621 590 481 966	1 469 197 344 792

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư hàng hóa giữ hộ, nhân gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhân ký cược, ký quỹ				
4. Nợ khó đòi đã xử lý		V.35	385 152 195	385 152 195
5. Ngoại tệ các loại				
Dollar Mỹ (USD)			440 912.50	239 970.02
Euro (EUR)			4 344.91	4 791.63
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

KẾ TOÁN TRƯỞNG


KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính : VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2010	
				Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	841,150,710,565	705,219,221,102	2,120,522,464,567	1,818,039,478,365
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		841,150,710,565	705,219,221,102	2,120,522,464,567	1,818,039,478,365
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	804,179,082,627	680,832,699,658	2,036,058,147,131	1,761,800,530,846
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36,971,627,938	24,386,521,444	84,464,317,436	56,238,947,519
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,966,604,255	5,004,400,183	28,457,248,961	41,407,703,873
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	24,573,682,630	15,804,057,270	62,151,292,772	56,517,812,210
	Trong đó : chi phí lãi vay	23		24,438,846,902	15,515,336,991	61,544,401,015	44,668,556,643
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	939,355,337	1,344,254,857	3,319,910,710	3,877,858,450
9	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	VI.6	7,379,790,890	7,040,718,515	24,463,128,488	19,113,818,771
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,045,403,336	5,201,890,985	22,987,234,427	18,137,161,961
11	Thu nhập khác	31	VI.7	3,736,142,085	56,856,400	4,240,804,132	458,589,973
12	Chi phí khác	32	VI.8	92,015,848	44,000,000	842,195,407	409,758,236
13	Lợi nhuận khác	40		3,644,126,237	12,856,400	3,398,608,725	48,831,737
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,689,529,573	5,214,747,385	26,385,843,152	18,185,993,698
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên bán	51		3,596,266,911	1,223,209,237	5,354,420,613	6,242,609,426
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(778,288,132)	63,612,860	(1,782,928,044)	(908,245,400)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,871,550,794	3,927,925,288	22,814,350,583	12,851,629,672
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	930	494	2,392	1,618

KẾ TOÁN TRƯỞNG


KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 04a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2010	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26,385,843,152	18,185,993,698
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13	3,013,600,461	5,172,371,911
- Các khoản dự phòng	03		(448,649,501)	(7,629,137,965)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(27,717,980,971)	(28,909,967,759)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	61,544,401,015	44,668,556,643
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62,777,214,156	31,487,816,528
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(72,605,060,583)	(11,062,375,671)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13,089,599,486	(26,382,815,920)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14,065,549,689)	12,715,554,691
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,007,321,793)	6,704,464,050
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(79,664,340,517)	(41,805,222,715)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.26	(4,271,740,051)	(3,398,858,585)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		86,276,893,045	20,317,593,057
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.34, V.35	(139,144,838,719)	(90,990,354,066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(149,615,144,665)	(102,414,198,631)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư bất động sản	21	V.13, V.14	(13,474,695,922)	(80,067,509,638)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và đầu tư bất động sản	22	VI.7	201,850,991	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(39,229,160,000)	(2,480,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	5,129,632,946
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(14,716,574,040)	(5,773,266,745)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		59,632,298,873	15,617,368,299
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,107,347,698	8,942,795,785
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		16,521,067,600	(58,630,979,353)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2010	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của đơn vị khác	31	V.34	39,999,356,500	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của đơn vị	32	V.34		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23, V.32	1,928,616,353,726	1,691,644,365,153
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23, V.32	(1,815,731,460,046)	(1,577,643,540,257)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.34	(6,793,000,000)	(7,720,800,000)
		37			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		146,091,250,180	106,280,024,896
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12,997,173,115	(54,765,153,088)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	66,744,112,698	90,710,410,024
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	79,741,285,813	35,945,256,936

Kế Toán Trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM ANH TUẤN

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, xây dựng, đầu tư, sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp;
Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác;
Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm;
Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở TP. Hồ Chí Minh);
...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 8 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho: thực tế đích danh.
- Thành phẩm tồn kho: bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp: được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lắp đặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 18.465 VND/USD
30/09/2010 : 19.490 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5,769,439,495	1,852,507,126
Tiền gửi ngân hàng	68,971,846,318	61,391,605,572
Các khoản tương đương tiền (*)	5,000,000,000	3,500,000,000
Cộng	<u>79,741,285,813</u>	<u>66,744,112,698</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Quốc Tế -HCM

2. Đầu tư ngắn hạn:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	15,302,850,592	15,421,376,552
Cổ phiếu	15,302,850,592	15,421,376,552
Đầu tư ngắn hạn khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	61,809,787,800	38,204,187,800
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)</i>	<i>22,859,787,800</i>	<i>11,859,787,800</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác (**)</i>	<i>38,950,000,000</i>	<i>26,344,400,000</i>
Cộng	<u>77,112,638,392</u>	<u>53,625,564,352</u>
(*) Khoản tiền này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng.		
(**) Khoản tiền cho vay.		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn		3.340.484.152
Số đầu năm		133.956.040
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ		<u>3.474.440.192</u>
4. Khoản phải thu của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng thuộc Tổng Cty XD số 1	20,419,167,224	12,340,092,224
Khách hàng bên ngoài	641,311,516,860	537,846,347,635
Cộng	<u>661,730,684,084</u>	<u>550,186,439,859</u>
5. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án	3,563,903,333	2,148,733,333
Nhà cung cấp xi măng	6,210,315,184	6,015,820,271
Nhà cung cấp vật tư khác	8,740,389,642	5,200,777,827
Nhà cung cấp dịch vụ - vận chuyển	272,589,440	286,779,052
Nhà cung cấp sắt thép	2,347,359,634	37,005,709
Nhà thầu phụ	15,869,546,151	8,887,284,065
Kinh doanh đất	3,778,567,533	4,503,899,333
Cộng	<u>40,782,670,917</u>	<u>27,080,299,590</u>
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Bảo Ngọc Tú - tiền hợp tác đầu tư xây dựng chung cư Phú Long	41,109,000,000	41,109,000,000
Công ty TNHH TM dịch vụ Hưng Phú Long		7,160,000,000
Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	36,853,592,928	44,655,300,000
Phải thu dịch vụ nhận uỷ thác nhập khẩu	54,398,261	479,575,463
Phải thu khác	11,170,529,261	13,858,865,652
Cộng	<u>89,187,520,450</u>	<u>107,262,741,115</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi :**

Công ty trích lập dự phòng 100% cho những khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Số đầu năm	5.678.597.089
Trích lập dự phòng bổ sung	705.213.567
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	6.383.810.656

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	1,381,723,564	693,197,682
Công cụ, dụng cụ	43,072,241	2,897,500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39,586,285,754	17,725,684,326
Thành phẩm	1,185,946,351	550,420,187
Hàng hóa	92,881,914,406	129,196,342,107
Cộng	135,078,942,316	148,168,541,802

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	3,207,894,415
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	(1,287,819,108)
Số cuối kỳ	1,920,075,307

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	129,322,022	438,409,353	301,302,657	266,428,718
Chi phí sửa chữa		567,674,378	25,702,188	541,972,190
CF trả trước : đơn vị nội bộ	12,648,184	404,742,817	183,353,035	234,037,966
CF trả trước vật tư cho thuê	2,822,535,141	7,435,590,177	5,947,149,177	4,310,976,141
CF bảo lãnh HĐ xây dựng				
CF trả trước - KD đất	38,360,000	40,193,976	43,293,976	35,260,000
CF trả trước - Xây lắp		794,369,794	511,508,458	282,861,336
CF trả trước khác	989,167,909	6,266,400,401	6,684,030,866	571,537,444
Cộng	3,992,033,256	15,947,380,896	13,696,340,357	6,243,073,795

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**3.505.143.026 đ**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế nhập khẩu tạm nộp :

3.505.143.026 đ

12. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8,606,888,226	5,234,402,928
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	20,023,158,137	3,275,403,836
Cộng	28,630,046,363	8,509,806,764

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	5,904,626,883	41,034,667,303	4,060,877,348	928,759,198	73,500,000	52,002,430,732
Mua trong năm		2,767,850,000		177,002,091		2,944,852,091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán		(1,341,904,760)		(28,688,000)		(1,370,592,760)
Số cuối năm	5,904,626,883	42,460,612,543	4,060,877,348	1,077,073,289	73,500,000	53,576,690,063
<i>Trong đó</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	11,353,981,909	1,344,143,062	582,467,270	73,500,000	13,354,092,241
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1,328,541,048	21,100,865,194	2,796,696,330	760,010,392	64,312,488	26,050,425,452
Khấu hao trong năm	442,847,025	4,714,215,606	339,591,798	121,888,732	9,187,512	5,627,730,673
Thanh lý, nhượng bán trong năm		(1,287,142,881)		(19,922,225)		(1,307,065,106)
Số cuối năm	1,771,388,073	24,527,937,919	3,136,288,128	861,976,899	73,500,000	30,371,091,019
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4,576,085,835	19,933,802,109	1,264,181,018	168,748,806	9,187,512	25,952,005,280
Số cuối năm	4,133,238,810	17,932,674,624	924,589,220	215,096,390	-	23,205,599,044

14. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất Tân Châu – Kiên Giang : Nguyên giá

1,154,214,755 đ

Thời hạn sử dụng : lâu dài

Đây là tài sản vô hình đặc biệt, không trích khấu hao.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	44,618,570	400,000,000		444,618,570
Xây dựng cơ bản dở dang - các dự án	359,203,829,596	39,247,295,668	5,140,018,708	393,311,106,556
- DA khu đô thị Hà Tiên	124,767,240,092	20,862,920,364	5,140,018,708	140,490,141,748
- DA Mô đá Trà Đước KG	193,675,450	100,000,000		293,675,450
- DA quận 2	210,669,433,909	17,628,377,899		228,297,811,808
- DA cảng Phước Hòa	23,573,480,145	655,997,405		24,229,477,550
Cộng	359,248,448,166	39,647,295,668	5,140,018,708	393,755,725,126

16. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty TNHH bê tông đúc sẵn VINA -PSMC	70%	16,126,455,969
Công ty C&T - Ukraina	100%	10,124,917,464
Cộng		26,251,373,433

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	45%	6,268,100,000
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	41,12%	5,708,500,000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	40,00%	3,000,000,000
Công ty TNHH XD - TM và KD nhà An Phúc	50,00%	26,954,000,000
Công ty cổ phần bao bì Nhân Trạch	27,12%	10,295,203,000
Cộng		52,225,803,000

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu Chính phủ 5 năm		117,500,000
Công ty bê tông xây dựng Thăng Long	10,200,000,000	10,200,000,000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2,400,000,000	2,400,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Huy Thục	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty TNHH XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	570,000,000	570,000,000
Cộng	14,170,000,000	14,287,500,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư của công ty con C&T Ukraina	10.124.917.464	10.124.917.464
Cộng	10.124.917.464	10.124.917.464

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí sửa chữa	117,287,368		117,287,368	-
Chi phí sửa chữa văn phòng		414,906,389	17,287,765	397,618,624,00
Tiền thuê nhà	974,400,000		274,050,000	700,350,000
Chi phí phát hành trái phiếu	805,555,554		250,000,002	555,555,552
Cộng	1,897,242,922		658,625,135	1,653,524,176

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	1,403,860,676
Trích thêm trong kỳ	2,095,839,887
Số hoàn nhập trong kỳ	(329,786,467)
Số cuối kỳ	3.169.914.096

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	146,035,115,042	148,826,578,891
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	153,229,093,449	165,594,326,645
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 6	14,231,023,588	24,591,260,394
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	149,436,022,800	54,984,267,810
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	128,271,883,722	146,204,640,254
Công ty tài chính dầu khí – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	29,764,622,726
Công ty tài chính CP Xi Măng	39,999,064,913	
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương VN-CN TP HCM	13,223,681,370	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	34,546,347,905	
Ngân hàng Cp Quận Đội -CN Chợ Lớn	88,525,223,743	64,897,178,804

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>767,497,456,532</u>	<u>634,862,875,524</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	634,862,875,524
Số tiền vay phát sinh trong năm	1,886,259,784,776
Số tiền đã trả trong năm	(1,753,625,203,768)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	
Số cuối năm	<u>767,497,456,532</u>

23. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án	-	79,844,001
Các đơn vị dịch vụ	8,462,166,062	10,205,941,224
Các đơn vị mua ngoài	23,644,058,733	17,241,376,650
Các đơn vị nội bộ	17,612,651,049	17,102,064,420
Các nhà máy thép	101,107,535,591	118,265,685,999
Các nhà máy xi măng	37,738,967,433	15,271,978,255
Các thầu phụ XL	18,617,712,657	23,499,478,594
Cộng	<u>207,183,091,525</u>	<u>201,666,369,143</u>

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng thuộc Tổng Cty XD số 1		
Khách hàng bên ngoài	41,168,154,358	9,108,621,028
Cộng	<u>41,168,154,358</u>	<u>9,108,621,028</u>

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		11,963,101,334	6,249,775,104	5,713,326,230
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	71,141,003	12,348,318,340	11,595,458,276	824,001,067
Thuế xuất, nhập khẩu	(4,295,855,162)	4,440,078,650	3,186,936,881	(3,042,713,393)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,679,133,759	5,354,420,613	4,271,740,051	3,761,814,321
Thuế thu nhập cá nhân	295,731,171	843,915,880	784,847,917	354,799,134
Thuế tài nguyên	119,291,040	641,375,164	691,173,196	69,493,008
Các loại thuế khác	134,952,300	352,623,700	278,275,600	209,300,400

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Cộng	(995,605,889)	35,943,833,681	27,058,207,025	7,890,020,767

Trong đó :

- Tổng số thuế phải nộp Nhà Nước đến 30/09/2010	:	11.395.163.793 đ
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	:	3.505.143.026 đ

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Sắt, thép, vận chuyển; các hoạt động khác::	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3,971,199,573	1,742,967,540
Chi phí vận chuyển	7,983,017,055	1,962,363,257
Chi phí khác	3,669,798,636	5,179,514,840
Cộng	15,624,015,264	8,884,845,637

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BHXH+KPCĐ+BHTN phải nộp	131,100,414	
Công ty CP Xây dựng số 5		45,000,000,000
Phải trả cho các khách hàng xây lắp - TK 141	10,811,715,686	8,282,996,548
Phải trả cho các khách hàng dịch vụ ủy thác nhập khẩu - TK 3388		3,124,049,109
Phải trả khác	5,175,473,142	5,704,371,397
Cộng	16,118,289,242	62,111,417,054

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây dựng.

Số đầu năm	6.483.564.827
Tăng do trích lập trong kỳ	582.049.762
Số đã sử dụng trong kỳ	(2.927.937.600)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đã hoàn nhập trong kỳ		
Số cuối kỳ		4.137.676.989
29. Phải trả dài hạn khác		
Khách hàng ứng tiền trước cho các dự án.		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Xây dựng Phát triển Sông Đà góp vốn cho dự án Quận 2-TP HCM	63,115,260,000	28,015,260,000
Công ty CP Xây dựng số 5 góp vốn dự án An Phúc -Quận 8	57,062,500,000	
Đất Rạch Giá	7,656,561,600	7,656,561,600
Khu đô thị mới Thị xã Hà Tiên	30,824,864,865	33,506,956,573
Dự án C&T		115,085,231,250
Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây lắp	8,059,850,000	
Cộng	166,719,036,465	184,264,009,423
30. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	59,892,390,000	103,472,036,278
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	3,927,390,000	47,507,036,278
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định(b)	55,965,000,000	55,965,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	50,490,088,831	26,660,129,881
Vay dài hạn cá nhân (c)	31,490,088,831	26,660,129,881
Tổng Công ty xây dựng số 1 (d)	19,000,000,000	
Nợ dài hạn	40,000,000,000	40,000,000,000
Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 3 năm	40,000,000,000	40,000,000,000
Cộng	150,382,478,831	170,132,166,159
Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn		
Từ 1 năm trở xuống		-
Trên 1 năm đến 5 năm		150,382,478,831
Tổng nợ		150,382,478,831
Chi tiết số phát sinh như sau:		
Số đầu năm		170,132,166,159
Số tiền phát sinh trong năm		42,356,568,950
Số tiền đã trả trong năm		(62,106,256,278)
Số cuối năm		150,382,478,831
31. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Số đầu năm		591,374,350
Số trích lập trong kỳ		1,147,198,950

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số chi trong kỳ	(63,872,550)
Số cuối kỳ	1,674,700,750

32. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước	8,409,841,465
Tạm ứng cổ tức năm nay	
Cộng	8,409,841,465

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được bán ra		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

33. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	2,788,991,609
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2,305,327,490
Chi quỹ trong kỳ	(2,717,706,928)
Số cuối kỳ	2,376,612,171

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**34. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	385,152,195	385,152,195
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Số cuối kỳ	<u>385,152,195</u>	<u>385,152,195</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Tổng doanh thu	2,120,522,464,567	1,818,039,478,365
- Doanh thu bán hàng hóa	2,011,635,021,305	1,664,636,580,861
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17,970,959,210	7,347,573,916
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	6,345,279,113	28,045,072,290
- Doanh thu hoạt động xây dựng	84,571,204,939	118,010,251,298
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	<u>2,120,522,464,567</u>	<u>1,818,039,478,365</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1,945,136,885,489	1,620,914,923,396
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4,566,198,713	4,375,592,575
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	5,179,319,684	22,827,550,654
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(a)	81,175,743,245	113,682,464,221
Cộng	<u>2,036,058,147,131</u>	<u>1,761,800,530,846</u>

^(a) Giá vốn hợp đồng xây dựng trong năm như sau:

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	33,679,916,592	34,992,528,233
Chi nhân công trực tiếp	3,550,799,401	2,820,085,419
Chi phí sử dụng máy thi công	59,582,544,250	62,528,675,073
Chi phí sản xuất chung	5,571,162,322	5,498,613,097
Tổng chi phí sản xuất	102,384,422,565	105,839,901,822
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(21,208,679,320)	7,842,562,399
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	<u>81,175,743,245</u>	<u>113,682,464,221</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Lãi tiền gửi	2,832,551,456	935,063,501
Lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	3,155,444,900	441,316,339
Lãi bán hàng trả chậm	9,123,844,742	9,148,145,735
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	808,003,912	2,333,353,910
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được chia	12,340,761,228	260,900,050
Lãi chuyển nhượng vốn	184,738,873	27,890,000,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11,903,850	398,924,338
Cộng	28,457,248,961	41,407,703,873

4. Chi phí tài chính

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí lãi vay	61,544,401,015	44,668,556,643
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	178,535,244	2,844,652,333
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		8,830,394,365
Lỗ kinh doanh chứng khoán		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	133,956,040	(10,024,981,555)
Chi phí tài chính khác	294,400,473	10,199,190,424
Cộng	62,151,292,772	56,517,812,210

5. Chi phí bán hàng

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,348,145,920	2,356,454,492
Chi phí khác	971,764,790	1,521,403,958
Cộng	3,319,910,710	3,877,858,450

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	11,430,425,561	10,350,043,982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307,752,159	313,277,530
Chi phí khác	12,724,950,768	8,450,497,259
Cộng	24,463,128,488	19,113,818,771

7. Thu nhập khác

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
Thanh lý tài sản cố định	283,632,614	
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	533,028,235	35,260,845
Thu khác	3,424,143,283	423,329,128
Cộng	4,240,804,132	458,589,973

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
Chi phí thanh lý tài sản cố định	81,781,623	
Trả tiền phạt thuế, bồi thường vi phạm hợp đồng	5,913,784	
Chi khác	754,500,000	409,758,236
Cộng	842,195,407	409,758,236

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22,814,350,583	12,851,629,672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22,814,350,583	12,851,629,672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,536,765	7,944,300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,392	1,618

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8,000,000	7,944,300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	1,536,765	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,536,765	7,944,300

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty xây dựng số 1	Cổ đông chiếm 34,5% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	Công ty liên kết chiếm 41,12% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Công ty liên kết chiếm 45% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng Huy Thục	Công ty đầu tư DH chiếm 17.86% vốn điều lệ
Công ty cổ phần XD DD & CN Phía Nam	Công ty đầu tư DH chiếm 19% vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 40,00 % vốn điều lệ
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA- PSMC	Công ty liên doanh chiếm 70% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty C&T Ukraina	Công ty con chiếm 100% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Công ty liên kết chiếm 27.12% vốn điều lệ
Công ty TNHH TM – XD và kinh doanh nhà An Phúc	Công ty liên kết chiếm 50% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1</i>		
Thực hiện xây lắp	-	5,266,484,273
Bán vật tư	11,677,824,620	16,866,740,080
Bán vé máy bay	1,258,513,698	
<i>Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA- PSMC</i>		
Bán vật tư - không VAT	11,716,048,239	13,518,646,409
Mua vật tư - không VAT	7,686,095,990	
Lãi bán vật tư trả chậm	1,529,727,308	2,006,881,401
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây</i>		
Bán vật tư + lãi chậm trả	296,466,932	429,524,461
Khai thác đá	5,045,632,455	3,347,120,225
Giao thầu xây lắp	4,657,848,923	7,179,510,603
Mua vật tư	76,149,967,211	42,872,639,480
Thu hoàn ứng		19,532,841,970
Cho vay		1,700,000,000
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</i>		
Bán vật tư + lãi chậm trả	53,145,827,925	24,302,214,364
Mua vật tư	11,265,875,388	48,514,447,059
Thu hồi tiền ứng mua vật tư		32,442,471,908
<i>Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa</i>		
Giao thầu xây lắp	32,619,818,988	36,366,089,699
Bán vật tư	3,967,530,001	2,360,770,556
Mua vật tư		1,294,797,494
Cho vay		500,000,000
<i>Công ty cổ phần xây dựng Huy Thục</i>		
Giao thầu xây lắp		
Bán vật tư + lãi chậm trả	275,936,884	1,516,479,917
Cho vay	1,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Thực hiện xây lắp	69,130,463	2,443,234,122
Bán vật tư	20,063,335,761	9,547,544,642
Nhập ủy thác		327,058,274
Bán vé máy bay	286,701,000	
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA- PSMC		
Bán vật tư	20,730,551,598	18,089,452,516
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây		
Bán vật tư	-	759,588,635
Mua vật tư		
Giao thầu xây lắp		
Khai thác đá Trà Đuốc	3,678,971,831	1,949,551,778
Cho vay	440,082,760	1,000,000,000
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích		
Mua vật tư		
Bán vật tư	31,676,467,047	19,510,967,212
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch		
Bán vật tư	18,246,015	
Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa		
Giao thầu xây lắp		
Cho thuê thiết bị	593,915,771	
Bán vật tư	4,393,925,681	793,700,258
Cộng nợ phải thu	82,453,805,185	54,421,097,437
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Bán vật tư		336,321,234
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA- PSMC		
Giao thầu xây lắp	1,866,384,425	1,068,493,300
Mua vật tư		
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây		
Giao thầu xây lắp	4,215,142,048	3,167,480,638
Mua vật tư (S-059)	4,916,776,382	242,592,865
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích		
Mua vật tư	2,861,851,831	3,946,336,796
Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa		
Giao thầu xây lắp	4,239,687,407	
Công ty cổ phần xây dựng Huy Thục		
Giao thầu xây lắp	19,282,270	99,282,608
Nhập ủy thác		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>	<u>9 tháng đầu năm 2009</u>
<i>Công ty cổ phần bao bì Nhom Trach</i>		
Mua vật tư		
<i>Công ty cổ phần đầu tư và phát triển An</i>		
<i>Phổ Đông</i>		
Tiền đến bù dự án		45,091,012,500
Vay dài hạn		4,200,000,000
Cộng nợ phải trả	<u>18,119,124,363</u>	<u>53,951,519,941</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

PHỤ LỤC : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80,000,000,000	60,004,226,000	-	-	9,017,198,250	4,812,698,492	20,154,051,468	173,988,174,210
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-	-	(46,039,928)	-	-	-	(46,039,928)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	22,583,227,970	22,583,227,970
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	889,088,557	1,778,177,115	(4,904,042,987)	(2,236,777,315)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(15,932,800,000)	(15,932,800,000)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm trước	-	1,371,128,000	-	-	-	-	-	1,371,128,000
Chi khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	80,000,000,000	61,375,354,000	-	(46,039,928)	9,906,286,807	6,590,875,607	21,900,436,451	179,726,912,937
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	61,375,354,000	-	(46,039,928)	9,906,286,807	6,590,875,607	21,900,436,451	179,726,912,937
Tăng vốn trong năm	20,000,000,000	19,999,356,500	-	-	-	-	-	39,999,356,500
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	22,814,350,583	22,814,350,583
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1,129,161,399	2,258,322,797	(5,692,811,686)	(2,305,327,490)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7,000,000,000)	(7,000,000,000)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	46,039,928	-	-	-	46,039,928
Số dư cuối năm	100,000,000,000	81,374,710,500	-	-	11,035,448,206	8,849,198,404	32,021,975,348	233,281,332,458

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hương
KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM ANH TUẤN